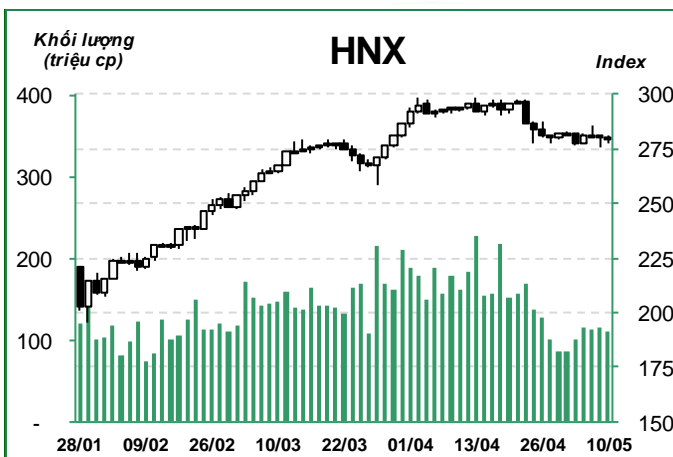
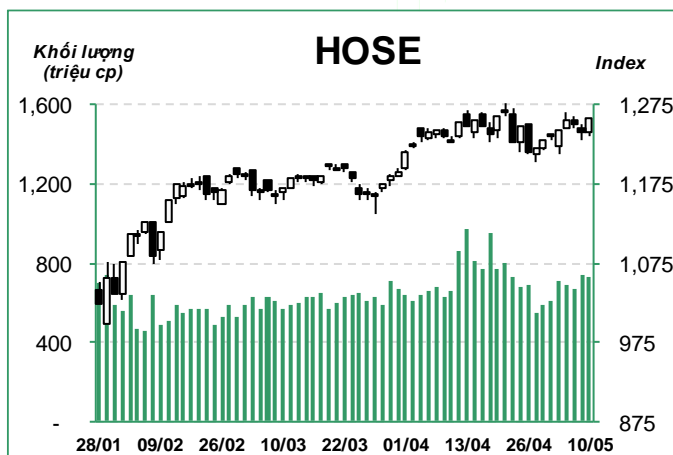


Tổng quan thị trường

10/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,259.58	1.43%	1,370.66	2.23%	280.27	0.15%
Cuối tuần trước	1,241.81	1.43%	1,340.73	2.23%	279.86	0.15%
Trung bình 20 ngày	1,244.14	1.24%	1,302.56	5.23%	286.12	-2.05%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	773.06	-1.28%	312.45	4.23%	115.91	-5.23%
KLGĐ khớp lệnh	732.07	-1.76%	302.73	3.87%	109.92	-4.26%
Trung bình 20 ngày	734.18	-0.29%	238.47	26.95%	136.67	-19.57%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	23,133.85	3.18%	14,334.72	6.24%	2,287.71	-2.94%
GTGD khớp lệnh	21,622.87	2.62%	13,821.78	5.16%	2,187.56	0.95%
Trung bình 20 ngày	18,477.63	17.02%	10,556.86	30.93%	2,466.56	-11.31%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	214	46%	23	77%	91	25%
Số mã giảm	207	45%	7	23%	115	31%
Số mã đứng giá	43	9%	0	0%	161	44%



Thị trường khởi đầu tuần mới với diễn biến tăng điểm trở lại của cả 2 chỉ số chính, bất chấp những ảnh hưởng tiêu cực từ thông tin các ca nhiễm Covid-19 tăng cao trong những ngày cuối tuần. Lực cầu ồ ạt giúp nhiều nhóm ngành vươn lên mạnh mẽ, trong đó nổi bật nhất là các nhóm ngành như ngân hàng, thép, thực phẩm đồ uống hay chứng khoán với một loạt cổ phiếu tăng trần. Bên cạnh đó, khối ngoại cũng có động thái hỗ trợ thị trường khi mua ròng trở lại trên cả 2 sàn. Với phiên tăng điểm hôm nay, thị trường đang phát đi tín hiệu đà tăng của chỉ số vẫn đang được duy trì và có thể sẽ xuất hiện tín hiệu vượt đỉnh trong vài phiên sắp tới.

Trên sàn HoSE, VN-Index chốt phiên tăng lên mức 1,259.58 điểm (+1.43%). KLGĐ khớp lệnh đạt 732.1 triệu cổ phiếu (-1.8%), tương đương 21,623 tỷ đồng giá trị (+2.6%). Mặc dù ghi nhận mức tăng điểm khá tốt, việc dòng tiền chỉ tập trung kéo trụ khiến độ rộng thị trường vẫn chỉ ở mức cân bằng với 214 mã tăng/207 mã giảm.

Tiếp nối đà tăng ấn tượng từ phiên thứ 6 tuần trước, các cổ phiếu thuộc nhóm ngành ngân hàng và thép tiếp tục nổi sừng ngay từ đầu phiên giao dịch hôm nay giúp thị trường đứng vững trước những áp lực bán tháo của các nhóm ngành khác. Ngay khi tâm lý thị trường ổn định trở lại cũng là lúc lực cầu mua mới ồ ạt đổ vào thị trường khiến đà tăng của VN-Index được nới rộng hơn về cuối phiên. Trong đó, bộ đôi Vinamilk-VNM (+6.9%), Masan-MSN (+6.9%) có phiên đảo chiều tăng trần khá tích cực dẫn đầu đà tăng của chỉ số. Mặc dù vậy, mức tăng của chỉ số chưa thực sự đồng thuận khi vẫn có những cổ phiếu Bluechips đóng cửa với mức giảm khá mạnh, tiêu biểu như Novaland-NVL (-5.4%), Sabeco-SAB (-1.6%), Eximbank-EIB (-3.1%) hay Thế giới di động-MWG (-1.5%).

Khối ngoại đảo chiều mua ròng nhẹ sàn HoSE hôm nay, đạt giá trị 88.7 tỷ đồng. Trong đó, Vinhomes-VHM (+133.6 tỷ), Maritime Bank-MSB (+111.9 tỷ) và Hòa Phát-HPG (+68.5 tỷ)

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
SVC	1,769.1	134.98
TCB	2,367.8	115.85
TPB	4,020.0	113.02
MSB	5,000.0	109.75
MWG	520.0	78.00
KBC	2,000.0	74.20
CTF	3,519.6	68.50
NVL	400.0	52.40
CSM	2,631.0	44.99
NKG	1,000.0	32.00
HNX		
VC7	1,213.8	18.21
VC3	773.7	15.86
IDC	455.0	15.21
AMV	1,200.1	12.36
BTS	1,210.0	7.26
DDG	221.8	7.15
BAB	276.0	6.90
SHB	255.0	6.12
CSC	100.0	4.15
BBC	50.1	3.11

là những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất. Trái lại, khối ngoại bất ngờ có động thái chốt lời mạnh với Vietinbank-CTG (-314.1 tỷ) trong phiên hôm nay khi cổ phiếu tăng điểm vượt đỉnh. Ngoài ra, Đô thị Kinh Bắc-KBC (-59.5 tỷ), Vietcombank-VCB (-42.6 tỷ) cũng là những cổ phiếu bị bán ròng mạnh bởi khối ngoại.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index giao dịch giằng co trước khi đóng cửa tăng nhẹ lên mức 280.27 điểm (+0.15%). KLGD khớp lệnh đạt 109.9 triệu cổ phiếu (-4.3%), tương đương 2,187.6 tỷ đồng giá trị (+0.9%).

Đóng góp tích cực nhất cho sắc xanh của HNX-Index hôm nay đến từ các cổ phiếu thuộc chứng khoán như Chứng khoán VNDIRECT-VND (+5.1%), Chứng khoán MB-MBS (+9.9%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+5.8%). Bên cạnh đó, các cổ phiếu trong nhóm dầu khí với Dầu khí PTSC-PVS (+2.9%), Hóa dầu Petrolimex-PLC (+1.7%) và nhóm thép Ống thép Việt Đức-VGS (+8.4%), Thép Mê Lin-MEL (+10.0%) cũng có tín hiệu tăng giá khá tích cực. Trong khi đó, một số cổ phiếu trụ cột khác của sàn HNX như Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-2.0%), Vicostone-VCS (-1.3%), Idico-IDC (-1.5%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-1.2%) vẫn tiếp tục hạ nhiệt kim hãm đà tăng của chỉ số.

Tương tự như sàn HoSE, khối ngoại cũng có động thái rút tiền trở lại trên sàn HNX trong phiên hôm nay khi mua ròng với giá trị trị 4.6 tỷ đồng. Trong đó, những cổ phiếu được mua ròng mạnh như Nhựa Tiên Phong-NTP (+5.0 tỷ), Chứng khoán BIDV-BSI (+3.9 tỷ) và Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+1.5 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu bị bán ròng chủ yếu là Tập đoàn PAN-PAN (-2.4 tỷ), CK Châu Á - TBD-APS (-1.2 tỷ), Ống thép Việt Đức-VGS (-1.0 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 phiên hàm ý dòng tiền đang ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số quay trở lại đóng cửa trên MA20, cùng với +DI cắt lên -DI cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn vẫn giữ vững, nhịp giảm điểm hai phiên trước đó chỉ mang tính kỹ thuật. Thêm vào đó, nền tảng dài cùng RSI hướng lên vùng 58 cho thấy đà tăng điểm đang mạnh dần lên, chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách vùng đỉnh cũ quanh 1,280 – 1,285 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index cũng có phiên tăng điểm. Chỉ số đang được hỗ trợ tốt bởi MA50 và vượt qua áp lực của MA5, cho thấy đà phục hồi đang có dấu hiệu quay lại và mở ra cơ hội hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự 287 điểm (MA20). Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng tăng và có cơ hội hướng lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc gia tăng thêm một phần tỷ trọng danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang hướng được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NKG	32.1	11,358.5	7.0%
HAH	27.6	2,661.6	7.0%
FTS	19.9	2,386.1	7.0%
MSN	101.6	3,939.9	6.9%
TLH	18.5	2,071.9	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ABS	45.4	10.7	-7.0%
FUCVREIT	23.5	1.3	-6.9%
NHA	26.9	347.5	-6.9%
TTE	9.8	1.5	-6.9%
AMD	6.9	12,768.2	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	62.3	2,216.0	1.3%
HPG	63.0	1,792.9	3.6%
MBB	33.2	1,189.3	5.1%
CTG	44.8	1,128.9	2.3%
TCB	48.1	1,047.3	2.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	24.3	41,518.9	1.3%
MBB	33.2	36,719.9	5.1%
VPB	62.3	36,321.0	1.3%
HPG	63.0	28,552.1	3.6%
HQC	3.4	26,123.9	0.9%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MEL	16.5	21.7	10.0%
THS	24.3	1.9	10.0%
ECI	22.1	1.1	10.0%
BED	28.8	0.1	9.9%
TMX	13.3	1.7	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KTT	8.1	18.2	-10.0%
MPT	1.8	830.8	-10.0%
THB	10.3	2.3	-9.6%
VIE	8.5	0.1	-9.6%
SDG	36.5	0.2	-8.8%

Top 5 giá trị

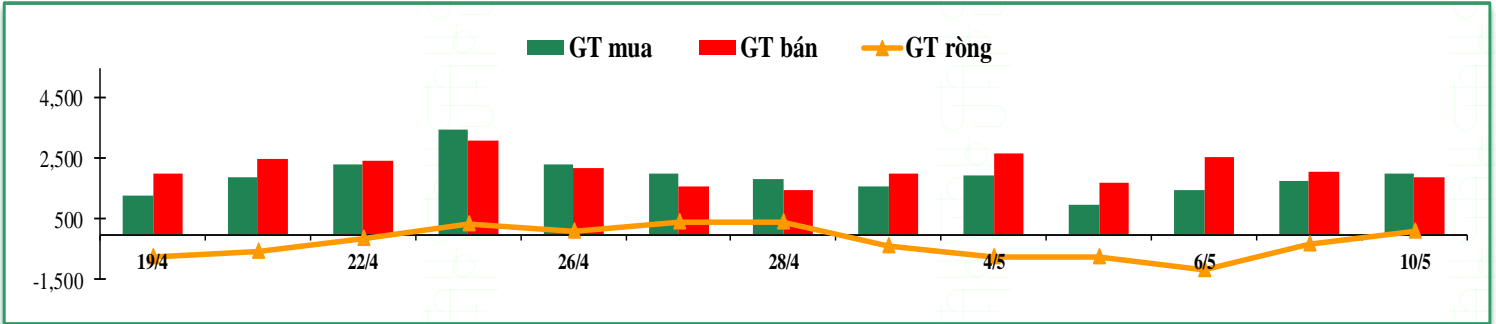
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	24.0	349.3	-2.0%
SHS	29.2	302.7	5.8%
VND	41.5	221.6	5.1%
THD	188.8	193.5	0.3%
PVS	21.2	161.3	2.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	24.0	14,298.5	-2.0%
SHS	29.2	10,590.3	5.8%
PVS	21.2	7,689.9	2.9%
ART	10.0	6,812.3	9.9%
VND	41.5	5,463.7	5.1%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,971.3	8.5%	1,882.6	8.1%	88.7
HNX	16.7	0.7%	12.2	0.5%	4.6
Tổng số	1,988.0		1,894.8		93.2



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	62.3	358.4	1.3%
VNM	93.0	254.3	6.9%
HPG	63.0	191.6	3.6%
VHM	99.1	171.5	2.1%
MSB	22.6	111.9	1.8%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	62.3	350.6	1.3%
CTG	44.8	318.9	2.3%
VNM	93.0	207.6	6.9%
HPG	63.0	123.0	3.6%
KBC	35.8	79.2	-1.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	99.1	133.6	2.1%
MSB	22.6	111.9	1.8%
HPG	63.0	68.5	3.6%
VRE	31.8	63.9	2.4%
MBB	33.2	56.6	5.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	37.0	5.1	2.8%
BSI	15.2	3.9	8.6%
SHS	29.2	1.7	5.8%
BII	8.9	0.9	9.9%
BNA	39.8	0.7	2.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PAN	24.6	2.5	-0.8%
APS	10.3	1.2	3.0%
VND	41.5	1.1	5.1%
TIG	15.3	1.0	5.5%
VGS	24.4	1.0	8.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	37.0	5.0	2.8%
BSI	15.2	3.9	8.6%
SHS	29.2	1.5	5.8%
BII	8.9	0.9	9.9%
BNA	39.8	0.7	2.1%

Tin trong nước

Cá nhân vẫn mở mới gần 110.000 tài khoản chứng khoán trong tháng 4

Theo số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD), số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới trong tháng 4 ở mức 109.998 đơn vị, gấp 3 lần so với cùng kỳ dù giảm so với mức 113.191 đơn vị của tháng 3. Đây cũng là tháng thứ 2 liên tiếp cá nhân mở mới trên 100.000 tài khoản.

Tại thời điểm 30/4, tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước đạt hơn 3,1 triệu, tăng 110.121 tài khoản so với tháng trước.

Trong khi đó, cá nhân nước ngoài mở mới 512 tài khoản giao dịch chứng khoán trong tháng 4, tăng nhẹ khoảng 2% so với tháng trước, nhưng đây lại là mức cao nhất kể từ tháng 5/2018.

4 tháng đầu năm, đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam tăng gấp 8 lần cùng kỳ năm ngoái

Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố, trong 4 tháng đầu năm, các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài 18 dự án với tổng số vốn 142,8 triệu USD, gấp 2,7 lần so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, còn có 9 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn 403,2 triệu USD, gấp 25,5 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 4 tháng đạt 545,9 triệu USD, gấp gần 8 lần so với cùng kỳ năm 2020. Năm ngoái, tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài cả cấp mới và điều chỉnh đạt trên 590 triệu USD, tăng hơn 16% so với năm 2019.

Tăng 10% trong vài phút sáng đầu tuần, giá quặng sắt tiếp tục "nóng bỏng"

Giá quặng sắt đã tăng vọt khi giao dịch mở cửa vào sáng thứ Hai ngày 10/5, kéo dài kỷ lục tăng của loại nguyên liệu này trong bối cảnh nhu cầu của Trung Quốc tăng vọt còn giá các loại hàng hoá khác cũng tăng phi mã khi nền kinh tế toàn cầu phục hồi.

Giá quặng sắt giao sau tại Singapore tăng hơn 10%, đạt mức kỷ lục mới là 226 USD/tấn. Loại nguyên liệu để sản xuất thép đang tăng mạnh do nhu cầu từ thị trường lớn nhất là Trung Quốc. Giá quặng sắt đã lần đầu vượt mốc 200 USD/tấn vào tuần trước.

"Lĩnh vực này đang rất, rất nóng. Khi nào nhu cầu thép của Trung Quốc giảm bớt có lẽ nhà câu hỏi lớn nhất của năm 2021", Vivek Dhar, nhà phân tích hàng hoá tại Commonwealth Bank Australia cho biết. "Nguồn cung vẫn chưa thể đáp ứng được nhu cầu mạnh mẽ đó".

Nguồn: Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Petrolimex đăng ký bán tiếp 25 triệu cổ phiếu quỹ

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, HoSE: PLX) thông báo quyết định HĐQT duyệt phương án đăng ký bán 25 triệu cổ phiếu quỹ. Hình thức giao dịch là khớp lệnh trên hệ thống giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE). Nếu giao dịch thành công, doanh nghiệp sẽ giảm lượng cổ phiếu quỹ xuống 25 triệu đơn vị.

Vào tháng 3, Petrolimex vừa bán xong 25 triệu cổ phiếu quỹ cho ENEOS Corporation thu về 1.426 tỷ đồng. Sau giao dịch Petrolimex giảm lượng cổ phiếu quỹ xuống 50 triệu đơn vị. Trong khi, ENEOS tăng sở hữu lên 38 triệu cổ phiếu, tương đương 2,94% vốn Petrolimex.

Quý I, doanh nghiệp báo cáo doanh thu giảm nhẹ xuống 38.247 tỷ đồng. Tuy nhiên, diễn biến giá dầu thuận lợi đã giúp Petrolimex đạt lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 661 tỷ đồng.

Dệt may TCM chốt quyền chia cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 15%

Công ty dệt may đầu tư thương mại Thành Công (HoSE: TCM) thông báo ngày 21/5 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ phát hành 15%.

Theo đó, doanh nghiệp dự kiến phát hành hơn 9,2 triệu cổ phiếu tăng vốn lên 713 tỷ đồng.

Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, dệt may Thành Công vẫn ghi nhận lợi nhuận sau thuế 276 tỷ đồng, vượt 46% kế hoạch năm và tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, doanh nghiệp đã nâng tỷ lệ trả cổ tức năm 2020 từ 15% theo kế hoạch lên 20%, trong đó 5% trả bằng tiền mặt (đã tạm ứng) và 15% trả cổ phiếu.

Năm nay, doanh nghiệp đề ra kế hoạch doanh thu 4.218 tỷ đồng, tăng 20%; lãi sau thuế 290 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm trước; tỷ lệ cổ tức 25%. Riêng quý I, đơn vị dệt may thực hiện được 22% chỉ tiêu doanh thu với 945 tỷ đồng, tăng 19,6%; lãi sau thuế thực hiện 21% kế hoạch với 62 tỷ đồng, tăng 83%. Lợi nhuận doanh nghiệp quý I tăng mạnh nhờ mảng sợi khởi sắc.

Cổ phiếu Thép Pomina ra khỏi diện cảnh báo từ 11/5

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo đưa cổ phiếu POM của Thép Pomina (HoSE: POM) ra khỏi diện cảnh báo từ ngày 11/5.

Nguyên nhân là do công ty có lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2020 đạt hơn 15 tỷ đồng, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2020 là 1,48 tỷ đồng.

Bắt đầu từ quý I/2019, hoạt động kinh doanh của Pomina sa sút, liên tục lỗ. Tính chung cả năm 2019, doanh nghiệp bị lỗ sau thuế cổ đông công ty mẹ 309 tỷ đồng, bị đưa vào diện cảnh báo từ 23/4/2020. Theo đó, cổ phiếu POM cũng không được giao dịch ký quỹ.

Tuy nhiên, bối cảnh ngành thép phục hồi mạnh từ nửa cuối năm 2020 đã giúp Pomina dần kinh doanh có lãi và khắc phục lỗ lũy kế.

Quý I năm nay, doanh nghiệp thép cũng đạt kết quả khả quan với doanh thu tăng nhẹ từ 2.519 tỷ đồng lên 2.699 tỷ đồng. Biên lãi gộp cải thiện từ 3,4% lên 7,9% cùng chi phí tài chính giảm đã giúp Pomina đạt lãi ròng 75 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước lỗ 56 tỷ đồng.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BVB	Mua	11/05/21	14.8	14.8	0.0%	17.6	18.9%	14.2	-4.1%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VDS	Quan sát mua	11/05/21	15.3	16.5-17	Nền tăng tốt, vượt lên lại MA50 cũng như vùng kháng cự ngang 14-14.5 kèm vol cao -> có thể chờ phiên điều chỉnh về retest MA50 (14.8-15) để tham gia
2	NAB	Quan sát mua	11/05/21	17	18-18.5	Nền bật tăng tốt từ vùng hỗ trợ 16-16.5 kèm vol tăng trở lại -> có cơ hội bắt đầu nhịp tăng mới
3	BVH	Quan sát mua	11/05/21	56.1	62-63	Cặp nến đảo chiều Bullish Engulfing ở quanh vùng hỗ trợ mạnh 55 -> có cơ hội tạo đáy và thoát kênh giảm để bước vào nhịp hồi phục
4	GMD	Quan sát mua	11/05/21	35.65	41-42	Nền tăng tốt bao phủ hai nền điều chỉnh yếu trước đó kèm vol cao cho mẫu hình tiếp diễn xu hướng -> có cơ hội tiếp tục tăng vượt kháng cự 36 và bước vào nhịp tăng mới

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	85.8	81.5	5.3%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	38.9	34.95	11.3%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	47.1	49.9	-5.6%	55	10%	47	-6%	
4	DGC	Nắm giữ	29/04/21	69.8	60.8	14.8%	71.7	18%	58.2	-4%	
5	MWG	Mua	04/05/21	138.1	140.9	-2.0%	172	22%	134.6	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	STB	Mua	05/05/21	24.3	24.1	0.8%	26.3	9%	22.9	-5%
7	IJC	Mua	06/05/21	26.2	26.25	-0.2%	32.85	25%	24.8	-6%
8	CKG	Mua	07/05/21	15.55	15.5	0.3%	17.1	10%	14.9	-4%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 10/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,600	8.9%	233%	61,600	43	85,800	7,185	(1,415)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	7,160	15.5%	377%	24,730	56	85,800	1,924	(5,236)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,190	11.1%	319%	8,930	135	30,800	422	(3,768)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2018	1,200	8,150	5.6%	579%	27,570	4	63,000	8,252	102	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	410	40,500	5.7%	9778%	860	51	63,000	37,078	(3,422)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	(54)	10,470	11.2%	-19489%	28,060	135	63,000	4,124	(6,346)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	(518)	27,000	6.3%	-5312%	10,220	56	63,000	22,135	(4,865)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	(982)	15,500	13.1%	-1678%	28,220	57	63,000	10,570	(4,930)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	(1,446)	11,710	13.6%	-910%	16,250	56	63,000	6,116	(5,594)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	(1,910)	16,850	10.4%	-982%	31,740	91	63,000	10,612	(6,238)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	(2,374)	11,100	23.3%	-568%	56,280	109	63,000	6,569	(4,531)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	(2,838)	3,210	35.4%	-213%	10,000	94	63,000	925	(2,285)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CKDH2001	(3,302)	2,520	1.2%	-176%	50,930	4	36,450	2,559	39	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	(3,766)	3,890	3.2%	-203%	21,590	98	36,450	2,319	(1,571)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	(4,230)	3,500	13.3%	-183%	17,870	135	36,450	719	(2,781)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	(4,694)	6,100	7.2%	-230%	16,160	95	36,450	2,763	(3,337)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	(5,158)	17,320	9.3%	-436%	48,890	35	33,200	17,233	(87)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	(5,622)	8,100	15.7%	-244%	45,560	57	33,200	3,644	(4,456)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2102	(6,086)	1,640	15.5%	-127%	8,220	94	33,200	56	(1,584)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2009	(6,550)	4,000	16.3%	-161%	35,980	4	101,600	4,002	2	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	(7,014)	3,480	10.5%	-150%	33,700	135	101,600	302	(3,178)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	(7,478)	3,370	10.9%	-145%	37,440	135	101,600	92	(3,278)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	(7,942)	6,440	20.6%	-181%	12,530	95	101,600	2,368	(4,072)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	(8,406)	25,550	-2.3%	-404%	3,360	51	138,100	21,194	(4,356)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	(8,870)	3,490	-2.2%	-139%	40,770	31	138,100	3,030	(460)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	(9,334)	3,850	-1.0%	-141%	16,210	57	138,100	2,149	(1,701)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	(9,798)	7,000	2.9%	-171%	15,880	84	138,100	3,760	(3,240)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	(10,262)	3,200	-3.3%	-131%	13,520	56	138,100	1,023	(2,177)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	(10,726)	5,950	2.6%	-155%	18,000	(49)	138,100	(130)	(6,080)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	(11,190)	6,250	-2.3%	-156%	41,700	109	138,100	1,234	(5,016)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	(11,654)	6,730	-11.6%	-158%	113,480	32	128,500	6,529	(201)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	(12,118)	4,580	-10.2%	-138%	45,750	135	128,500	3,235	(1,345)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	(12,582)	2,500	5.0%	-120%	27,650	57	93,600	1,602	(898)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	(13,046)	5,510	4.0%	-142%	10,730	84	93,600	2,806	(2,704)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	(13,510)	3,990	0.3%	-130%	20,650	39	93,600	2,996	(994)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	(13,974)	4,190	1.0%	-130%	49,240	57	56,700	2,215	(1,975)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	(14,438)	2,600	6.1%	-118%	32,160	135	19,050	4	(2,596)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	(14,902)	6,650	0.6%	-145%	21,680	17	24,300	6,656	6	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	(15,366)	6,310	0.5%	-141%	33,150	32	24,300	6,162	(148)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	(15,830)	12,450	1.2%	-179%	19,810	35	24,300	12,325	(125)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	(16,294)	6,490	8.2%	-140%	26,190	135	24,300	1,407	(5,083)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	(16,758)	7,680	1.1%	-146%	18,210	25	24,300	6,326	(1,354)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	(17,222)	7,500	11.4%	-144%	48,850	91	24,300	3,198	(4,302)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	(17,686)	9,300	21.6%	-153%	41,760	109	24,300	1,941	(7,359)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	(18,150)	26,440	3.4%	-246%	19,010	81	48,100	26,205	(235)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	(18,614)	22,400	16.7%	-220%	22,470	148	48,100	17,369	(5,031)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	(19,078)	9,200	8.2%	-148%	41,160	57	48,100	6,110	(3,090)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	(19,542)	10,270	6.1%	-153%	46,790	91	48,100	6,395	(3,875)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	(20,006)	7,020	30.0%	-135%	163,020	109	48,100	1,682	(5,338)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2001	(20,470)	180	-47.1%	-101%	126,830	4	21,850	(0)	(180)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	(20,934)	2,480	5.5%	-112%	33,640	98	21,850	82	(2,398)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	(21,398)	3,080	6.9%	-114%	14,720	135	21,850	126	(2,954)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	(21,862)	3,300	0.0%	-115%	13,620	95	21,850	74	(3,226)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	(22,326)	1,780	26.2%	-108%	50,450	94	21,850	0	(1,780)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2008	(22,790)	2,880	2.9%	-113%	66,850	32	99,100	1,038	(1,842)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	(23,254)	3,470	6.1%	-115%	27,740	135	99,100	123	(3,347)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	(23,718)	3,900	4.0%	-116%	42,010	57	99,100	1,239	(2,661)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	(24,182)	2,720	-4.9%	-111%	29,770	25	99,100	624	(2,096)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	(24,646)	4,020	8.7%	-116%	72,440	91	99,100	387	(3,633)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	(25,110)	4,710	21.4%	-119%	31,610	95	99,100	156	(4,554)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	(25,574)	2,650	33.8%	-110%	27,520	94	99,100	4	(2,646)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	(26,038)	3,350	3.1%	-113%	26,850	32	132,500	2,583	(767)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	(26,502)	4,000	11.4%	-115%	30,650	135	132,500	461	(3,539)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	(26,966)	4,310	4.1%	-116%	17,610	25	132,500	3,265	(1,045)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVJC2006	(27,430)	1,180	6.3%	-104%	56,790	32	119,200	415	(765)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	(27,894)	1,440	23.1%	-105%	159,780	32	93,000	(0)	(1,440)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	(28,358)	2,690	12.6%	-109%	58,360	135	93,000	0	(2,690)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	(28,822)	2,870	26.4%	-110%	91,810	57	93,000	0	(2,870)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	(29,286)	3,050	24.5%	-110%	51,010	39	93,000	0	(3,050)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	(29,750)	3,850	18.5%	-113%	75,180	126	93,000	66	(3,784)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVPB2015	(30,214)	36,630	3.7%	-221%	12,120	81	62,300	36,424	(206)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	(30,678)	14,100	6.8%	-146%	19,360	57	62,300	12,712	(1,388)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	(31,142)	13,450	5.9%	-143%	15,860	25	62,300	13,426	(24)	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	(31,606)	14,950	9.9%	-147%	21,090	91	62,300	12,997	(1,953)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	(32,070)	8,770	19.5%	-127%	18,870	109	62,300	4,546	(4,224)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	(32,534)	780	-10.3%	-102%	70,440	17	31,750	159	(621)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	(32,998)	1,330	-1.5%	-104%	29,510	32	31,750	87	(1,243)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	(33,462)	8,470	2.2%	-125%	28,230	81	31,750	4,404	(4,066)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	(33,926)	3,300	13.4%	-110%	21,010	135	31,750	179	(3,121)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	(34,390)	2,650	4.7%	-108%	71,780	57	31,750	491	(2,159)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	(34,854)	2,940	3.2%	-108%	50,650	91	31,750	264	(2,676)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	(35,318)	4,900	2.1%	-114%	43,230	95	31,750	180	(4,720)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
VCB (New)	HOSE	98,100	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB (New)	HOSE	36,200	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB (New)	HOSE	48,100	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG (New)	HOSE	16,800	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP (New)	HOSE	58,100	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM	HOSE	93,000	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	HOSE	57,300	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
STK	HOSE	32,400	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
DHG	HOSE	98,800	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ	HOSE	93,600	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG	HOSE	63,000	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	85,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	24,400	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC	HOSE	37,200	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
DGW	HOSE	118,000	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC	HOSE	35,750	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV	UPCOM	72,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
MSN	HOSE	101,600	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2%	58.7	6.9	-
ANV	HOSE	21,800	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE	HOSE	56,700	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX	HOSE	53,300	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SBT	HOSE	19,050	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC	UPCOM	35,100	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC	HOSE	31,100	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR	HOSE	24,650	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS	UPCOM	38,600	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE	HOSE	31,750	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
TCM	HOSE	104,000	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	12.5	2.0	-
MWG	HOSE	138,100	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS	HOSE	86,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH	HOSE	53,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD	HOSE	35,650	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
NLG	HOSE	38,900	39,000	24/02/2021	966	3,763	26,600	14%	7%	10.4	1.5	5%
TNG	HOSE	20,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL	HOSE	76,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR	UPCOM	15,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN	HOSE	18,550	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP	HOSE	72,600	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT	HOSE	26,650	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VHM	HOSE	99,100	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
KDH	HOSE	36,450	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8%	8.5	1.5	-
SAB	HOSE	150,500	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG	HOSE	38,550	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR	HOSE	51,800	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR	UPCOM	79,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW	HOSE	12,200	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.